

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2021/HS-PT

Ngày: 09 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyện.

Ông Trần Vĩnh Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Du – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 153/2021/TLPT-HS ngày 07/5/2021 đối với bị cáo T và H1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 164/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z1.

- Các bị cáo có kháng cáo:

T (tên gọi khác không), sinh năm 1986, tại Hậu Giang; nơi cư trú: X1, phường Y1, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Không; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị L; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út; Vợ đã ly hôn: Lê Thị H và có 01 sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam ngày 19/9/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Z1. *(bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

H1 (tên gọi khác không), sinh năm 1991, tại Ninh Bình; nơi cư trú: X2, phường Y2, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Không; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q và bà Trịnh Thị N; gia đình bị cáo có 04 chị em; vợ Thân Thị N, sinh năm 1993 và có 01 sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/4/2020 *(bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T và vợ chồng anh M, sinh năm 1991, chị N, sinh năm 1991, cùng tạm trú tại X4, phường Y1, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai có quan hệ bạn bè quen biết nhau từ khoảng tháng 10 năm 2018 do cùng thuê trọ tại địa chỉ thuộc X5, phường Tân Hiệp, thành phố Z1. Trong thời gian quen biết và chung sống cùng dãy nhà trọ với nhau, T có hỗ trợ cho vợ chồng Anh M vay mượn tiền và Anh M, Chị N hứa hẹn sẽ đền ơn T bằng cách nhờ gia đình ở Hà Nội hỗ trợ tiền bạc để T kinh doanh. Đến khoảng tháng 6 năm 2019, Anh M, Chị N chuyển phòng trọ đến khu phố 2A, phường Y1, thành phố Z1 nhưng không thông báo cho T biết. Qua tìm hiểu, T phát hiện vợ chồng Anh M, Chị N đã lừa dối mình nên bức tức. Ngày 16/9/2019, T thuê H1 điều khiển xe ô tô biển số 60A – 433.35 chở T cùng với H2, sinh năm 2000, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 10/1/21A, khu phố 9, phường Y2, thành phố Z1 đi đến nhà Anh M, Chị N. Tại đây, T đi vào phòng trọ của Anh M, Chị N chửi bới rồi dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người Anh M, Chị N, rồi bắt vợ chồng Anh M, Chị N quỳ gối nhận lỗi rồi T dùng điện thoại quay lại. Do bị đánh và bị T uy hiếp nên Anh M, Chị N hoảng sợ, không phản kháng và đã đồng ý làm theo các yêu cầu của T. Sau đó, T tiếp tục chửi bới và yêu cầu Anh M viết giấy tự nhận lỗi của T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và cam kết mỗi tháng phải trả cho T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Sau đó, T yêu cầu Anh M, Chị N đưa cho T các tài sản gồm 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 Plus và điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J6, 01 (một) loa hát Karaoke, loại loa kéo nhãn hiệu Order, do hoảng sợ vì bị T đánh, vợ chồng Anh M, Chị N đã đưa các tài sản trên cho T mà không phản kháng lại. Sau đó, T tiếp tục lấy 01 (một) xe máy nhãn hiệu YMHMAXNEO, biển số 60AA-009.00 của vợ chồng Anh M rồi ra về. Trên đường về, T giao các tài sản T vừa chiếm đoạt được của Anh M, Chị N cho H1 cất giữ. Mặc dù, H1 biết rõ các tài sản trên do T chửi bới, đánh đập Anh M, Chị N rồi chiếm đoạt nhưng H1 vẫn đồng ý mang về nhà H1 tại số 10/1/29, khu phố 9, phường Y2, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai cất giữ. Sau đó, T tiếp tục quay lại phòng trọ của Anh M, Chị N và gọi điện thoại nhờ các anh Nguyễn TN, sinh năm 1997, đăng ký hộ khẩu thường trú X3, xã Y3, huyện Z3, tỉnh Lâm Đồng, Phan MT, sinh năm 2000, đăng ký hộ khẩu thường trú X6, xã Y6, huyện Z6, tỉnh Đồng Nai là nhân viên sửa chữa, lắp ráp máy điều hòa đến tháo chiếc máy điều hòa nhãn hiệu Sharp (kèm cục làm nóng) đưa cho T. T tiếp tục lấy 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, không rõ biển số của Anh M, Chị N và chiếc máy lạnh mang đi. Khi đi đến bệnh viện quân y 7B, địa chỉ phường Tân Tiến, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai, T bán xe mô tô nhãn hiệu Wave, không rõ biển số cho một người (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), còn chiếc máy lạnh T tiếp tục mang đến nhà H1 nhờ H1 cất giữ giùm. H1 biết

tài sản trên, T lấy tại nhà Anh M, Chị N nhưng vẫn đồng ý cất giữ giùm T. Đến ngày 17/9/2019, T tiếp tục đến phòng trọ của Anh M để chửi bới thì Anh M, Chị N phản kháng lại và trình báo công an phường Y1 lập hồ sơ, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Z1 xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 656/TCKH-HĐĐG ngày 31/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Z1 đã kết luận: “01 máy điều hòa nhãn hiệu Sharp màu trắng, kèm cục nóng lạnh theo máy (đã cũ); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen (đã cũ); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 Plus; 01 (một) xe máy nhãn hiệu YMHMAXNEO, màu đỏ, biển số 60AA – 009.00; 01 (một) loa hát Karaoke, loại loa kéo màu đen, nhãn hiệu Order” có tổng giá trị định giá là 21.237.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Đối với xe mô tô kiểu dáng Wave, tài sản chưa thu hồi được, chỉ có lời khai bị hại, không rõ nhãn hiệu, số loại, không đủ cơ sở định giá nên Hội đồng định giá thống nhất không định giá.

Về dân sự: Bị hại M và N đã nhận lại tài sản, đồng thời gia đình bị cáo T đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.500.000 đồng nên các bị hại không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Tại bản án sơ thẩm số 164/2021/HSST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z1 đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cướp tài sản” và bị cáo H1 phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 19/9/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo H1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Kiên T nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do bị cáo không phạm tội cướp; bị cáo H1 xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Kháng cáo của các bị cáo đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 là đúng quy định, xử phạt bị cáo với mức hình phạt là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo T không cung cấp được các tình tiết nào mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo. Do đó đề nghị Hội xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Đối với bị cáo H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, từng có thời gian tham gia dân quân tự vệ, hiện đang nuôi con nhỏ. Do đó, căn cứ vào khoản

1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giữ nguyên mức án 01 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Vì các lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo được thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 16/9/2019, tại phòng trọ thuộc khu phố 2A, phường Y1, thành phố Z1, T đã có hành vi chửi bới, dùng tay chân đánh anh M và chị N để chiếm đoạt các tài sản gồm 01 máy điều hòa nhãn hiệu Sharp màu trắng, kèm cục nóng lạnh theo máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 Plus; 01 xe máy nhãn hiệu YMHMAXNEO, màu đỏ, biển số 60AA – 009.00; 01 loa hát Karaoke, loại loa kéo màu đen, nhãn hiệu Order, 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, không rõ biển số có tổng trị giá 21.237.000 đồng và bắt bị hại quỳ gối nhận tội lừa đảo rồi dùng điện thoại quay lại, bắt anh M viết giấy có nợ của T số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó T đưa những tài sản chiếm đoạt được của Anh M và Chị N cho H1 đem về nhà cất giữ. Mặc dù H1 biết những tài sản trên là do T dùng vũ lực để chiếm đoạt tại nhà Anh M, Chị N nhưng vẫn đồng ý cất giữ giùm T.

[4] Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã khai đầy đủ diễn biến hành vi phạm tội, tuy nhiên ở phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội nên Tòa án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, xét xử các bị cáo mức án nghiêm khắc là đúng qui định. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo nhận thức được việc khai báo không T thực ở phiên tòa sơ thẩm là không đúng, đã thành khẩn khai lại những hành vi phạm tội; các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình gây ra. Do vậy, cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo, đồng thời xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo T thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi phạm tội của mình, có đủ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định ở khoản 1 Điều 51 của BLHS nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của BLHS xét xử bị cáo ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối với bị cáo H1, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa có một phần phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm c, e Khoản 1, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và bị cáo H1, sửa bản án sơ thẩm số 164/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z1.

1. Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cướp tài sản”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo T 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 19/9/2019.

2. Tuyên bố bị cáo H1 phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Xử phạt bị cáo H1 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân phường Y2, thành phố Z1, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

3. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 164/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z1 không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Công an tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố Z1; (02)
- Công an thành phố Z1;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z1;
- Chi cục THA dân sự thành phố Z1;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Dương

